

**CÔNG TY TNHH ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN LINH LINH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN LINH LINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LINH LINH DEVELOPMENT AND TRAINING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108452347

**3. Ngày thành lập:** 02/10/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 1, ngách 72/168 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                  | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ bán lẻ thuốc) | 4772     |
| 2.  | Giáo dục tiểu học                                                                                          | 8521     |
| 3.  | Đào tạo sơ cấp                                                                                             | 8531     |
| 4.  | Đào tạo trung cấp                                                                                          | 8532     |
| 5.  | Lập trình máy vi tính                                                                                      | 6201     |
| 6.  | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                        | 6202     |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                            | 6209     |
| 8.  | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                   | 4761     |
| 9.  | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                          | 4721     |
| 10. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu ( trừ thông tin Nhà nước cấm)                                | 6399     |
| 11. | Giáo dục nhà trẻ                                                                                           | 8511     |
| 12. | Giáo dục mẫu giáo                                                                                          | 8512     |
| 13. | Giáo dục trung học cơ sở                                                                                   | 8522     |
| 14. | Đào tạo đại học                                                                                            | 8541     |
| 15. | Đào tạo thạc sỹ                                                                                            | 8542     |
| 16. | Đào tạo cao đẳng                                                                                           | 8533     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 17. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự | 4649 |
| 18. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4651 |
| 19. | Bán buôn tổng hợp<br>(Trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4690 |
| 20. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                             | 4741 |
| 21. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4771 |
| 22. | Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 6311 |
| 23. | Cổng thông tin<br>(trừ các loại thông tin Nhà nước và các hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                                       | 6312 |
| 24. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 1812 |
| 25. | Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác<br>(trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                | 8219 |
| 26. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 8230 |
| 27. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                | 8299 |
| 28. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột;<br>Bán buôn thủy sản; Bán buôn rau, quả; Bán buôn cà phê                                                                                                                                                     | 4632 |
| 29. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4763 |
| 30. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 1811 |
| 31. | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8211 |
| 32. | Giáo dục trung học phổ thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 8523 |
| 33. | Đào tạo tiến sĩ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8543 |
| 34. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước                                                                                                                                                                                                                                                      | 7830 |
| 35. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4641 |
| 36. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4633 |
| 37. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4722 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 38. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                     | 4759        |
| 39. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 5210        |
| 40. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5224        |
| 41. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết: + Tư vấn giáo dục<br>- Dịch vụ tư vấn du học                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 8560        |
| 42. | Giáo dục thể thao và giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8551        |
| 43. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8552        |
| 44. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4762        |
| 45. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4764        |
| 46. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Dạy ngoại ngữ<br>- Các dịch vụ dạy kèm (gia sư);<br>- Dạy máy tính                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8559(Chính) |
| 47. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4652        |
| 48. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày<br>Bán buôn máy móc, thiết bị y tế | 4659        |
| 49. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4742        |

**6. Vốn điều lệ:** 8.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức            | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | KIỀU THỊ THU HUYỀN | Số 8B/111 đường Đông Khê, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam        | 4.000.000.000         | 50,000    | 031790789                                                                                                                                         |         |
| 2   | LÊ VĂN TIẾN        | Số 4, ngách 72/118 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 4.000.000.000         | 50,000    | 001089016215                                                                                                                                      |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ VĂN TIẾN

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 23/06/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001089016215

Ngày cấp: 26/04/2017

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 4, ngách 72/118 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 4, ngách 72/118 Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội